TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2026/HS-ST
Ngày 28-7-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Nhật Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Xuân Hiền.

2/ Ông Ngô Hoàng Bá.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Văn Hạnh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4* - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Mạc Thị Thư - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 106/2026/TLST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 749/2026/QĐXXST- HS ngày 03 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

Trần Minh G, sinh năm 1990; Nơi sinh: Cần Thơ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Họ tên cha: Trần Văn Đ, sinh năm 1955; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1954 (chết); A, chị, em ruột: Có 06 người, lớn nhất 1974, nhỏ nhất sinh năm 1987; Vợ: Lê Thị Kim T, sinh năm 1990; Con: Có 01 người sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không. Hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam số 1 Công an thành phố C từ ngày 02/10/2025 cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

**** Bị hại:***

1/ Chị **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm 2004. (Có mặt)

2/ Anh **Võ Hoàng K**, sinh năm 2001. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

3/ Bà **Trương Thị Đ1**, sinh năm 1979. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã C, thành phố Cần Thơ.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Bà **Trần Thị Kim C1**, sinh năm 1976. (Có mặt)

2/ Ông **Tô Văn D**, sinh năm 1976. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối năm 2023, do bị cáo Giàu có thiếu nợ của ông Trần Quốc S (anh ruột G) nên ông S yêu cầu G đưa giấy CNQSD đất số DN 308052 đã cấp để cất giữ làm tin. Tuy nhiên, do cần tiền trả nợ nên G đã lên mạng internet, liên hệ với tài khoản Zalo tên "A H" đặt làm giả 02 (hai) giấy CNQSD đất cùng số DN 308052, số vào sổ cấp GCN: CH07579 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 15/12/2023 cho Trần Minh G với số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Sau khi nhận được 02 (hai) giấy CNQSD đất giả, G đã đưa cho ông S cất giữ 01 (một) giấy CNQSD đất giả, tưởng là thật nên ông S đồng ý. Đối với giấy CNQSD đất giả còn lại G cầm cố cho bà Trương Thị Đ1, sinh năm 1979, đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã C, thành phố Cần Thơ với số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) vào ngày 10/01/2024 để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Đối với giấy CNQSD đất thật, ngày 22/01/2024 G ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông Tô Văn D, sinh năm 1967, đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ (nay là xã T, thành phố Cần Thơ) với số tiền 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng). Hợp đồng được Công chứng tại Văn phòng C2 địa chỉ tại ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ (cũ) vào ngày 22/01/2024, Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Cần Thơ (cũ) đã thu hồi Giấy CNQSD đất số DN 308052, số vào sổ cấp GCN: CH07579 và hoàn tất các thủ tục cấp giấy CNQSDĐ mới số phát hành DN324160, số giấy CN07745 cho ông Tô Văn D. Số tiền bán được G đã trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 28/02/2025, sau khi G trả nợ xong nên ông S đã đưa lại giấy CNQSD đất giả mà G đã đưa trước đó. Sau đó, G tiếp tục sử dụng CNQSD đất giả để thỏa thuận chuyển nhượng cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 19/01/2004 và ông Võ Hoàng K, sinh ngày 31/10/2001 cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ (là cháu của G) với số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký chứng thực tại UBND xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ (cũ). Đến ngày 17/3/2025, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện C, thành phố Cần Thơ (cũ) tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ thì phát hiện thửa đất số 1317, tờ bản đồ

số 8, địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ (nay là xã T, thành phố Cần Thơ) đã được thu hồi và cấp giấy CNQSD đất mới số phát hành DN324160, số giấy CN07745 cho ông Tô Văn D, nghi là giấy CNQSD đất giả nên chuyển vụ việc đến Cơ quan điều tra.

Tại Bản kết luận giám định số 71/KL-KTHS-TL ngày 10/6/2024 của Phòng K1, Công an thành phố C kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN 308052, mang tên Trần Minh G, ngày 15/12/2023 có hình dấu tròn nội dung "ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ TP. CẦN THƠ" và chữ ký mang tên Lê Chí P cần giám định ký hiệu A là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả.

Tại Bản kết luận giám định số 86/KL-KTHS ngày 29/7/2025 của Phòng K1, Công an thành phố C kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN 308052, mang tên Trần Minh G, ghi ngày 15/12/2023 có hình dấu tròn nội dung "ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ TP. CẦN THƠ" và chữ ký mang tên Lê Chí P cần giám định ký hiệu A là giả.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (bản gốc); 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN 308052, số vào sổ cấp GCN: CH07579 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 15/12/2023 cho Trần Minh G.

Tại bản Cáo trạng số: 32/CT-VKSTPCT-P2 ngày 10/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ và tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị tuyên bố bị cáo Trần Minh G phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025).

Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 314, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Minh G từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp chung hình phạt của hai tội bị cáo Trần Minh G phải chấp hành từ 11 năm tù đến 12 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị Kim C và ông Võ Hoàng K yêu cầu bị cáo khắc phục số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), bị cáo đã tác động gia đình khắc phục cho bị hại bà Nguyễn Thị Kim C và ông Võ Hoàng K được số tiền 300.000.000 đồng và không yêu cầu gì thêm. Bị hại bà Trương Thị Đ1 yêu cầu bị cáo khắc phục số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng)

nên buộc bị cáo Giàu có nghĩa vụ bồi thường cho bà Đ1 số tiền 90.000.000 đồng, các bị hại đã làm đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Đề nghị lưu trữ tại hồ sơ vụ án 01 (một) hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (bản gốc); 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN 308052, số vào sổ cấp GCN: CH07579 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 15/12/2023 cho bị cáo Trần Minh G.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Minh G đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, mong muốn Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và người liên quan. Cuối năm 2023, do không có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên Trần Minh G, sinh ngày 23/3/1990, đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ đã lên mạng internet đặt làm giả 02 (hai) giấy CNQSD đất cùng số DN 308052, số vào sổ cấp GCN CH07579 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 15/12/2023 mang tên Trần Minh G để cầm cố vay tiền bà Trương Thị Đ1 ngày 10/01/2024 để chiếm đoạt số tiền 90.000.000 đồng và ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim C và ông Võ Hoàng K ngày 28/02/2025 để chiếm đoạt số tiền 300.000.000 đồng, tổng cộng chiếm đoạt 390.000.000 đồng (ba trăm chín mươi triệu đồng). Hành vi thực hiện của bị cáo G đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341

Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn, bình thường của các cơ quan Nhà nước, tổ chức hoạt động quản lý hành chính và xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, là một trong các quyền quan trọng được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người đầy đủ năng lực hình sự, biết rõ hành vi lừa đảo người khác và hành vi làm giả các tài liệu của cơ quan, tổ chức là trái pháp luật nhưng vẫn bất chấp thực hiện để phục vụ cho nhu cầu riêng của bản thân; đồng thời chỉ vì muốn trả nợ cá nhân và thụ hưởng vật chất một cách nhanh chóng đã sử dụng giấy tờ giả đưa thông tin gian dối để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên cần phải xử lý nghiêm

[4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo có nhân thân tốt.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có thành tích tốt trong công tác và có khắc phục hậu quả xong cho phía bị hại C và K, các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét mức hình phạt cho bị cáo trước khi lượng hình.

- Tình tiết tăng nặng bị cáo phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, trên cơ sở cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định để nhằm giáo dục, trừng trị bị cáo và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị Kim C và ông Võ Hoàng K yêu cầu bị cáo khắc phục số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), bị cáo đã tác động gia đình khắc phục cho bị hại bà Nguyễn Thị Kim C và ông Võ Hoàng K xong, bị hại không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với bị hại bà Trương Thị Đ1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy đến nay bị cáo vẫn chưa bồi thường nên cần buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bà Đ1 số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (bản gốc); 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN 308052, số vào sổ cấp GCN: CH07579 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 15/12/2023 cho Trần Minh G là tài liệu chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục lưu trữ tại hồ sơ vụ án.

[8] Các vấn đề khác: Đối với người làm giả 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN 308052, số vào sổ cấp GCN: CH07579 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 15/12/2023 tên Trần Minh G, do không xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, đủ căn cứ xử lý sau là phù hợp.

[9] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Bị cáo G phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Trần Minh G** phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"

Căn cứ vào Điều 38; Điều 47; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55; điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Minh G 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và **03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp chung hình phạt của hai tội là **11 (mười một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 02/10/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Trần Minh G bồi thường cho bà Trương Thị Đ1 số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

Kể từ khi bà Đ1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả

các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Lưu trữ tại hồ sơ vụ án 01 (một) hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (bản gốc); 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN 308052, số vào sổ cấp GCN: CH07579 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 15/12/2023 cho Trần Minh G là tài liệu chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo.

4. Về án phí: Bị cáo Trần Minh G phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 4- Cần Thơ;
- CAND thành phố Cần Thơ;
- Thi hành án DS thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS KV 4 - Cần Thơ
- Bị cáo;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Nhật Trường